

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
---	------------	---------------------------

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
	Ông Mai Việt Hà	Thành viên
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiên	Thành viên
	Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên
	Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Dương Cửu Long	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 6 tháng 5 năm 2019)

Đại diện pháp luật	Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
---------------------------	-----------------	---------------

Trụ sở đăng ký	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00353-19-1



Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		258.716.354.892	203.971.935.923
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	70.125.559.122	38.335.440.900
Tiền	111		7.125.559.122	3.335.440.900
Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	35.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8(a)	23.225.022.740	24.575.022.740
Chứng khoán kinh doanh	121		42.800.022.740	42.800.022.740
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(19.575.000.000)	(18.225.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.611.229.044	50.356.394.713
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	10.817.297.739	9.914.567.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		969.416.643	404.364.778
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(b)	18.000.000.000	17.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	41.824.514.662	23.037.462.336
Hàng tồn kho	140	11	92.247.212.222	89.513.035.886
Hàng tồn kho	141		92.247.212.222	89.513.035.886
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.507.331.764	1.192.041.684
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.290.079	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.192.041.684	1.192.041.684
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	300.000.001	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn				
(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.049.696.220.085	1.076.870.244.584
Các khoản phải thu dài hạn	210		157.035.068.239	147.173.013.550
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	160.671.404.055	147.173.013.550
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10(c)	(3.636.335.816)	-
Tài sản cố định	220		4.436.491.542	1.673.377.115
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.426.462.328	1.654.847.899
<i>Nguyên giá</i>	222		13.400.119.670	10.091.586.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.973.657.342)	(8.436.738.589)
Tài sản cố định vô hình	227		10.029.214	18.529.216
<i>Nguyên giá</i>	228		836.870.000	836.870.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(826.840.786)	(818.340.784)
Bất động sản đầu tư	230	13	120.021.473.070	121.744.850.694
<i>Nguyên giá</i>	231		164.521.792.920	164.521.792.920
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(44.500.319.850)	(42.776.942.226)
Tài sản dở dang dài hạn	240		266.525.363.208	266.525.363.208
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	266.525.363.208	266.525.363.208
Đầu tư tài chính dài hạn	250	8(c)	496.335.377.351	534.598.373.046
Đầu tư vào công ty con	251		369.850.011.814	369.850.011.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		162.144.178.945	193.894.178.945
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		2.250.000.000	2.250.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.908.813.408)	(31.395.817.713)
Tài sản dài hạn khác	260		5.342.446.675	5.155.266.971
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.952.951.565	1.765.771.861
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	31(a)	3.389.495.110	3.389.495.110
TỔNG TÀI SẢN				
(270 = 100 + 200)	270		1.308.412.574.977	1.280.842.180.507

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		570.976.809.578	563.766.845.090
Nợ ngắn hạn	310		530.411.260.960	523.283.328.072
Phải trả người bán ngắn hạn	311		364.148.102	693.347.699
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	44.703.251.642	44.774.673.790
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	1.660.451.407	2.188.782.349
Phải trả người lao động	314		8.837.924.541	6.796.650.436
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.268.925.150	11.026.588.583
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	458.048.436.775	418.037.709.902
Vay ngắn hạn	320		-	30.553.419.996
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.528.123.343	9.212.155.317
Nợ dài hạn	330		40.565.548.618	40.483.517.018
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	40.565.548.618	40.483.517.018
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		737.435.765.399	717.075.335.417
Vốn chủ sở hữu	410	20	737.435.765.399	717.075.335.417
Vốn cổ phần	411	21	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	21	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		146.167.347.648	125.806.917.666
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		84.529.662.520	85.699.084.565
- LNST chưa phân phối kỳ/năm nay	421b		61.637.685.128	40.107.833.101
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.308.412.574.977	1.280.842.180.507

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	38.101.663.020	34.352.121.309
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	(15.379.516.166)	(13.305.086.574)
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	20		22.722.146.854	21.047.034.735
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	72.610.689.476	28.030.880.181
Chi phí tài chính	22	28	(13.654.047.609)	1.049.137.288
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(1.901.019.145)</i>	<i>(2.327.288.343)</i>
Chi phí bán hàng	25		(1.244.229.056)	(1.286.290.884)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	(18.825.429.083)	(14.208.611.586)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		61.609.130.582	34.632.149.734
Thu nhập khác	31		221.496.835	189.494.951
Chi phí khác	32		(192.942.289)	(75.002.925)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		28.554.546	114.492.026
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.637.685.128	34.746.641.760
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31(b)	-	(1.941.847.805)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31(b)	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		61.637.685.128	32.804.793.955

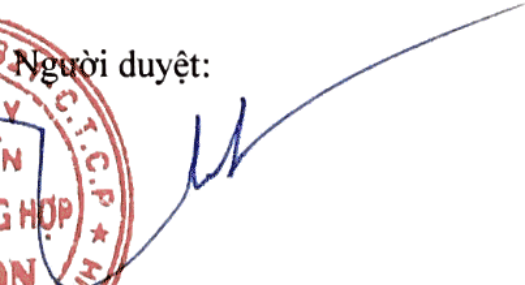
Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		61.637.685.128	34.746.641.760
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.268.796.379	2.215.858.771
Các khoản dự phòng	03		11.751.245.205	(3.393.996.808)
Lỗ từ thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết	05		1.783.259	-
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay	05		(72.610.689.476)	(27.288.130.253)
Chi phí lãi vay	06		1.901.019.145	2.327.288.343
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.949.839.640	8.607.661.813
Biến động các khoản phải thu	09		(8.479.536.855)	(3.533.381.517)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.734.176.336)	(1.028.469.892)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		8.768.484.047	(3.988.972.714)
Biến động chi phí trả trước	12		(202.469.783)	(785.550.130)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	8.042.838.572
			2.302.140.713	7.314.126.132
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.934.389.008)	(2.349.151.357)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.050.958.227)	(2.704.053.465)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.498.026.620)	(2.237.144.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.181.233.142)	23.776.810
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.308.533.182)	(5.018.112.728)
Tiền chi cho vay	23		(7.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		6.000.000.000	14.500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(8.165.980.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết	26		31.496.303.047	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay	27		47.337.001.495	26.384.688.961
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		69.524.771.360	17.700.596.233

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		4.210.798.491	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(34.764.218.487)	(22.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.553.419.996)	(22.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		31.790.118.222	(4.275.626.957)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		38.335.440.900	49.715.957.806
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	70.125.559.122	45.440.330.849

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 76 nhân viên (1/1/2019: 78 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 14 công ty con và 6 công ty liên kết (1/1/2019: 14 công ty con và 7 công ty liên kết), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,80%	56,80%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô.	7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70,00%	70,00%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận , Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00%	70,00%
8	Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,86%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,00%	98,00%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và dịch vụ vận tải.	43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,00%	80,00%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và dịch vụ vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90,00%	90,00%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51,00%	51,00%
14	Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI, và các loại phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Áp 1, xã Đồng Tiến, Huyện Đông Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55,00%	55,00%
Công ty liên kết					
1	Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi (*)	Cung cấp dịch vụ vận tải và bảo trì.	Tầng 6, 555 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	40,03%
2	Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	30,60%	30,60%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
4	Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và dịch vụ vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
5	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,00%	35,00%
6	Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,00%	32,00%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản; cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%

(*) Vào ngày 28 tháng 2 năm 2019, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi, một công ty liên kết đã quyết định giải thể công ty và hoàn trả các tài sản còn lại cho các nhà đầu tư sau khi hoàn tất việc giải thể. Việc giải thể công ty này đã được hoàn tất trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng của năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của dự án bất động sản bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và cấu trúc 6 – 42 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và cấu trúc 5 – 36 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án bất động sản đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty đã ghi nhận các khoản tiền lương và thưởng cho nhân viên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và sẽ được tính lại dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính vào cuối năm.

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các qui định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất có hiệu lực đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ của Công ty.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán và cơ cấu Công ty và các khoản mục bất thường

(a) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tài chính riêng thường niên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với các ước tính kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(b) Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Ngoại trừ các thay đổi trong cơ cấu của Công ty như được mô tả tại Thuyết minh 1(d), không có sự thay đổi nào khác trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(c) Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Báo cáo bộ phận***Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 2018:*

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	11.141.252.775	9.679.481.701	26.960.410.245	24.672.639.608	-	-	38.101.663.020	34.352.121.309
Thu nhập khác của bộ phận	72.832.186.311	27.477.625.204	-	-	-	742.749.928	72.832.186.311	28.220.375.132
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(5.147.025.305)	(3.649.723.968)	(10.232.490.861)	(9.655.362.606)	-	-	(15.379.516.166)	(13.305.086.574)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(21.406.020.893)	(5.062.067.946)	(11.764.895.687)	(8.879.629.379)	(745.731.457)	(579.070.782)	(33.916.648.037)	(14.520.768.107)
Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh trong kỳ	57.420.392.888	28.445.314.991	4.963.023.697	6.137.647.623	(745.731.457)	163.679.146	61.637.685.128	34.746.641.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp							-	(1.941.847.805)
							61.637.685.128	32.804.793.955

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận ngắn hạn	72.188.082.765	31.252.809.323	161.825.312.219	146.950.319.309	24.702.959.908	25.768.807.291	258.716.354.892	203.971.935.923
Tài sản bộ phận dài hạn	306.150.246.481	351.599.385.741	740.028.012.138	720.916.380.451	128.466.356	964.983.282	1.046.306.724.975	1.073.480.749.474
Tài sản bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.389.495.110	3.389.495.110
	378.338.329.246	382.852.195.064	901.853.324.357	867.866.699.760	24.831.426.264	26.733.790.573	1.308.412.574.977	1.280.842.180.507
Nợ phải trả								
Nợ bộ phận ngắn hạn	22.354.322.410	19.666.466.997	506.495.981.655	502.243.591.660	1.560.956.895	1.373.269.415	530.411.260.960	523.283.328.072
Nợ bộ phận dài hạn	4.892.907.835	4.868.322.989	35.330.978.973	35.275.248.930	341.661.810	339.945.099	40.565.548.618	40.483.517.018
	27.247.230.245	24.534.789.986	541.826.960.628	537.518.840.590	1.902.618.705	1.713.214.514	570.976.809.578	563.766.845.090

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 2018:

	Dịch vụ và thương mại		Kinh doanh bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khấu hao và phân bổ	545.418.755	460.567.676	1.723.377.624	1.755.291.095	-	-	2.268.796.379	2.215.858.771
Các khoản dự phòng	-	-	-	-	11.751.245.205	(3.393.996.808)	11.751.245.205	(3.393.996.808)
Chi tiêu vốn	3.308.533.182	-	5.000.000.000	5.018.112.728	-	-	8.308.533.182	5.018.112.728

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.068.124.928	1.415.693.795
Tiền gửi ngân hàng	6.057.434.194	1.919.747.105
Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	35.000.000.000
	70.125.559.122	38.335.440.900

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Các khoản đầu tư****(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/6/2019				1/1/2019			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư chứng khoán kinh doanh vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	(5.535.000.000)	7.965.000.000	1.350.000	13.500.000.000	(4.185.000.000)	9.315.000.000
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	-	33.750	3	22.740	-	33.750
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	500.000	14.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	-	(*)	900.000	9.000.000.000	-	(*)
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)	180.000	6.300.000.000	(5.040.000.000)	(*)
		<u>42.800.022.740</u>	<u>(19.575.000.000)</u>			<u>42.800.022.740</u>	<u>(18.225.000.000)</u>	

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Kỳ hạn	Lãi suất năm	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<i>Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ:</i>				
▪ Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh – một công ty con	6 – 12 tháng	9,5%	9.000.000.000	5.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương – một công ty liên kết	6 – 12 tháng	7%	9.000.000.000	9.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam – một công ty liên kết	6 – 12 tháng	9,5%	-	3.000.000.000
			18.000.000.000	17.000.000.000

Các khoản phải thu về cho vay không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

		30/6/2019			1/1/2019	
	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND		Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty con:						
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	52,05%	44.763.000.000	-	52,05%	44.763.000.000	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	51,00%	9.248.504.000	-	51,00%	9.248.504.000	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	88,12%	7.102.684.814	-	88,12%	7.102.684.814	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	56,80%	9.012.515.000	-	56,80%	9.012.515.000	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70,00%	56.000.000.000	-	70,00%	56.000.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51,00%	25.309.668.000	-	51,00%	25.309.668.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98,00%	82.320.000.000	(4.251.449.886)	98,00%	82.320.000.000	(3.870.040.661)
• Công ty Cổ phần OtoS	80,86%	11.563.640.000	(11.008.803.407)	80,86%	11.563.640.000	(10.916.555.744)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70,00%	27.930.000.000	-	70,00%	27.930.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	-	84,17%	10.100.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80,00%	32.000.000.000	(14.198.286.127)	80,00%	32.000.000.000	(10.042.431.286)
• Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90,00%	18.000.000.000	(6.429.081.505)	90,00%	18.000.000.000	(5.106.364.307)
• Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51,00%	25.500.000.000	-	51,00%	25.500.000.000	-
• Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	55,00%	11.000.000.000	(2.021.192.483)	55,00%	11.000.000.000	(1.208.512.021)
		369.850.011.814	(37.908.813.408)		369.850.011.814	(31.143.904.019)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		30/6/2019			1/1/2019	
	% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND		% vốn sở hữu/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
						Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:						
• Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	-	-	-	40,03%	31.750.000.000	(251.913.694)
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	30,30%	29.106.059.000	-	30,30%	29.106.059.000	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	30,60%	15.393.000.000	-	30,60%	15.393.000.000	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	17.520.000.000	-	43,80%	17.520.000.000	-
• Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35%	16.925.119.945	-	35%	16.925.119.945	-
• Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	19.200.000.000	-	32%	19.200.000.000	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	40%	64.000.000.000	-	40%	64.000.000.000	-
		162.144.178.945	-		193.894.178.945	(251.913.694)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác						
• Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.250.000.000	-		2.250.000.000	-
		534.244.190.759	(37.908.813.408)		565.994.190.759	(31.395.817.713)

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	18.225.000.000	19.170.000.000	31.395.817.713	22.910.126.677
Dự phòng lập trong kỳ	1.350.000.000	-	6.764.909.389	2.806.790.321
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(3.915.000.000)	-	(2.285.787.129)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	-	(251.913.694)	-
Số dư cuối kỳ	19.575.000.000	15.255.000.000	37.908.813.408	23.431.129.869

9. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty Cổ phần Vạn Vạn An	6.381.815.282	6.381.815.282
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô – công ty con	104.445.332	1.907.670.429
Các khách hàng thuê bất động sản đầu tư	646.838.309	531.818.325
Các khách hàng khác	3.684.198.816	1.093.263.563
	10.817.297.739	9.914.567.599

Khoản phải thu thương mại từ công ty con không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải thu	27.256.687.980	2.628.000.000
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	-	9.680.000.000
Tạm ứng cho người lao động	4.756.260.000	5.180.760.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.811.566.682	5.548.702.336
	41.824.514.662	23.037.462.336

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	121.124.726.708	117.306.336.203
Đặt cọc dài hạn	25.521.056.100	25.521.056.100
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con	9.680.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.345.621.247	4.345.621.247
	160.671.404.055	147.173.013.550

- (i) Các khoản phải thu này liên quan đến khoản góp vốn các đối tác cho các hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản bao gồm Dự án Bình An, Dự án Long Hòa, Dự án Melisa và Dự án Lê Minh Xuân.

(c) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi phản ánh khoản dự phòng lập trong kỳ cho khoản góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vật liệu	66.765.318	18.880.661
Sản xuất kinh doanh dở dang cho các dự án bất động sản:	92.151.368.464	89.452.030.926
▪ Dự án Khu dân cư Tam Bình	16.326.712.507	13.627.374.969
▪ Dự án Nam Cẩm Lệ	75.824.655.957	75.824.655.957
Hàng hóa	29.078.440	42.124.299
	92.247.212.222	89.513.035.886

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	2.157.957.854	2.797.035.634	5.136.593.000	10.091.586.488
Tăng trong kỳ	-	-	3.308.533.182	3.308.533.182
Số dư cuối kỳ	2.157.957.854	2.797.035.634	8.445.126.182	13.400.119.670
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.883.262.776	2.644.929.531	3.908.546.282	8.436.738.589
Khấu hao trong kỳ	23.913.504	48.340.716	464.664.533	536.918.753
Số dư cuối kỳ	1.907.176.280	2.693.270.247	4.373.210.815	8.973.657.342
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	274.695.078	152.106.103	1.228.046.718	1.654.847.899
Số dư cuối kỳ	250.781.574	103.765.387	4.071.915.367	4.426.462.328

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.698 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 4.658 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Nhà cửa và cấu trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	5.107.878.273	159.413.914.647	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	42.776.942.226	42.776.942.226
Khấu hao trong kỳ	-	1.723.377.624	1.723.377.624
Số dư cuối kỳ	-	44.500.319.850	44.500.319.850
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.107.878.273	116.636.972.421	121.744.850.694
Số dư cuối kỳ	5.107.878.273	114.913.594.797	120.021.473.070

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	266.525.363.208	263.526.949.254
Tăng trong kỳ	-	18.112.728
Số dư cuối kỳ	266.525.363.208	263.545.061.982

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Dự án 104 Phở Quang	266.134.935.670	266.134.935.670
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Các dự án khác	146.574.455	146.574.455
	266.525.363.208	266.525.363.208

15. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng, phần lớn để chuyển nhượng vốn cổ phần trong một công ty con và để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dana	27.496.800.000	27.496.800.000
Bà Nguyễn Thị Phi Nga	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khách hàng khác	206.451.642	277.873.790
	44.703.251.642	44.774.673.790

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số (cán trừ)/ phân loại lại trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	258.337.757	3.943.140.422	(1.926.470.658)	(1.769.091.966)	505.915.555
Thuế thu nhập doanh nghiệp	750.958.226	-	(1.050.958.227)	300.000.001	-
Thuế thu nhập cá nhân	926.276.604	1.647.368.385	(1.672.318.899)	-	901.326.090
Các khoản phải nộp khác					
Tiền thuê đất	-	3.204.567.114	(3.204.567.114)	-	-
Các khoản phải nộp khác	253.209.762	20.000.000	(20.000.000)	-	253.209.762
	2.188.782.349	8.815.075.921	(7.874.314.898)	(1.469.091.965)	1.660.451.407

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	300,000,001	300,000,001

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phí dịch vụ chuyên môn	8.398.330.786	8.654.500.000
Chi phí xây dựng	-	805.193.054
Chi phí lãi vay	-	33.369.863
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.870.594.364	1.533.525.666
	10.268.925.150	11.026.588.583

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải trả một đối tác liên quan đến Dự án 104 Phở Quang	341.319.476.227	341.319.476.227
Phải trả bên thứ ba liên quan đến Dự án 91 Pasteur	28.755.483.552	33.755.483.552
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Tam Bình	34.930.831.400	27.567.765.400
Cổ tức phải trả	37.630.565.445	167.304.945
Phải trả một bên liên quan (i)	5.749.000.000	5.749.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.663.080.151	9.478.679.778
	458.048.436.775	418.037.709.902

- (i) Phải trả một bên liên quan thể hiện khoản trả trước từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 cho một phần quyền sử dụng đất tại 104 Phở Quang. Khoản phải trả này không được đảm bảo và không chịu lãi.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ dài hạn	16.326.034.784	16.244.003.184
Góp vốn nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến Dự án Bình An	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	40.565.548.618	40.483.517.018

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.212.155.317	8.127.063.813
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ (Thuyết minh 20)	285.391.655	2.647.914.726
Sử dụng trong kỳ	(2.969.423.629)	(2.237.144.500)
Số dư cuối kỳ	6.528.123.343	8.537.834.039

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	125.806.917.666	717.075.335.417
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	61.637.685.128	61.637.685.128
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(285.391.655)	(285.391.655)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(37.463.260.500)	(37.463.260.500)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(3.528.602.991)	(3.528.602.991)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	146.167.347.648	737.435.765.399
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	118.317.607.691	709.586.025.442
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.804.793.955	32.804.793.955
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.647.914.726)	(2.647.914.726)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	118.503.878.520	709.772.296.271

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 2018.

22. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 37.463 triệu VND, bằng 15% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 29.971 triệu VND, bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

23. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	11.277.531.693	13.586.272.920
Từ hai đến năm năm	34.720.247.600	36.263.309.500
Trên năm năm	54.664.866.667	60.020.800.000
	100.662.645.960	109.870.382.420

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	2.894.018.307	1.688.904.115
▪ Cung cấp dịch vụ	8.247.234.468	7.990.577.586
▪ Doanh thu cho thuê	26.960.410.245	24.672.639.608
Doanh thu thuần	38.101.663.020	34.352.121.309

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	1.576.113.262	1.290.580.592
▪ Dịch vụ đã cung cấp	3.570.912.043	2.359.143.376
▪ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư cho thuê	10.232.490.861	9.655.362.606
	15.379.516.166	13.305.086.574

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Thu nhập cổ tức	70.837.046.994	25.112.402.737
Thu nhập lãi cho vay	758.337.331	1.103.532.383
Thu nhập lãi tiền gửi	1.015.305.151	1.072.195.133
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	-	742.749.928
	72.610.689.476	28.030.880.181

28. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.901.019.145	2.327.288.343
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính	11.751.245.205	(3.393.996.808)
Lỗ từ thu hồi khoản đầu tư vào một công ty liên kết	1.783.259	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán	-	17.571.177
	13.654.047.609	(1.049.137.288)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.329.837.241	7.195.834.123
Chi phí đào tạo	157.745.358	1.093.529.405
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	2.734.998.574	1.041.064.280
Chi phí quản lý	932.184.225	1.015.085.829
Chi phí đi lại	364.590.686	550.844.475
Chi phí khấu hao và phân bổ	410.846.519	325.995.440
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.498.069.138	1.511.043.117
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.397.157.342	1.475.214.917
	18.825.429.083	14.208.611.586

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa	1.576.113.262	1.290.580.592
Chi phí nhân công và nhân viên	12.498.515.529	8.278.954.658
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.268.796.379	2.215.858.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.278.105.294	13.579.068.188
Các chi phí khác	3.827.643.841	3.435.526.835

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán riêng

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.435.208.639	2.435.208.639
Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế mang sang	954.286.471	954.286.471
	3.389.495.110	3.389.495.110

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	1.941.847.805
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	-	1.941.847.805

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.637.685.128	34.746.641.760
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	12.327.537.026	6.949.328.352
Chi phí không được khấu trừ thuế	38.582.850	15.000.000
Thu nhập không chịu thuế	(14.167.409.399)	(5.022.480.547)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.801.289.523	-
	-	1.941.847.805

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng lương và thù lao cho các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.722.000.000	1.749.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát	375.000.000	355.600.000
	2.097.000.000	2.104.600.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

			Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
			30/6/2019	30/6/2018
Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức Thu nhập khác	1.703.895.000 5.610.000	447.160.000 -
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Công ty con	Doanh thu cho thuê Cổ tức Thu nhập phí tiện ích Thu nhập khác	3.431.899.545 11.190.750.000 499.708.148 -	2.211.921.220 6.714.450.000 420.125.868 42.826.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Cổ tức Thu nhập khác	21.093.687.980 24.188.000	3.121.648.737 18.116.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cổ tức Thu nhập khác	5.600.000.000 -	- 23.267.000
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Công ty con	Cổ tức Thu nhập khác	9.603.525.047 23.084.000	5.100.000.000 18.251.000
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Cổ tức Doanh thu cho thuê Thu nhập khác	4.504.500.000 583.005.600 32.434.000	2.310.000.000 - 13.854.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019	30/6/2018
			VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	4.344.180.000	357.300.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức	3.375.000.000	2.025.000.000
		Thu nhập tài chính khác	80.871.576	-
		Thu nhập khác	3.740.000	-
Công ty Cổ phần OtoS	Công ty con	Góp vốn	-	1.522.980.000
		Cho công ty con vay	-	240.000.000
		Thu nhập phí tiện ích	-	17.210.589
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	-	15.498.284.667
		Thu nhập tài chính khác	-	995.368.000
		Thu nhập khác	3.740.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Công ty con	Cho công ty con vay	-	10.000.000.000
		Thu nhập khác	5.676.000	-
		Thu nhập tài chính khác	-	108.164.383
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Công ty con	Cổ tức	2.040.000.000	-
		Thu nhập khác	11.560.000	3.379.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Công ty con	Cổ tức	3.535.000.000	-
		Thu nhập khác	3.387.000	-
Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Công ty con	Cho công ty con vay	5.000.000.000	-
		Thu nhập khác	7.480.000	-
		Thu nhập tài chính khác	334.068.494	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Cổ tức	6.720.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức	-	1.028.542.500
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Cho công ty liên kết vay	2.000.000.000	-
		Thu nhập tài chính khác	32.465.754	-
		Thu nhập khác	5.676.000	5.824.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Cổ tức	399.688.967	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	-	1.643.000.000
		Cổ tức	-	1.101.600.000
		Thu nhập tài chính khác	310.931.507	-
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Hoàn vốn đầu tư sau giải thể	31.496.303.047	-
		Cổ tức	-	2.400.000.000
		Thu nhập khác	-	54.545.456

33. Giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Mua bất động sản đầu tư chưa thanh toán	28.755.483.552	38.755.483.552
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty con được mua lại với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	-	9.500.000.000
Cần trừ khoản đầu tư vào các công ty con được mua lại với khoản phải thu ngắn hạn khác	-	998.284.667

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được lấy từ số dư và số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được lấy từ số liệu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc